

Số: 114 / NVC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

V/v Công bố thông tin tài liệu ĐHĐCĐ  
thường niên năm 2021

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO
  - Mã chứng khoán: VET
  - Địa chỉ trụ sở chính: 29A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: (028) 38225063 Fax: (028) 38225060
  - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa
- Nội dung công bố thông tin: tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
- Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  theo yêu cầu
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Cổ Phần Thuốc Thú y Trung ương Navetco ngày 07/4/2021 theo đường dẫn sau:  
[www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT;BKS;
- Lưu.



PHẠM QUANG THÁI



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Animal Health

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.



## THƯ MỜI

### THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian Tổ chức đại hội: 9h00, ngày 28 tháng 04 năm 2021 (thứ tư)
2. Địa điểm: *Diamond Place Convention Centre - 15A Hồ Văn Huê, Phường 9, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh*
3. Nội dung đại hội:  
Nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được Công ty đăng tải và cập nhật tại trên Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn) (mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 07/04/2021 và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.
4. Đăng ký dự họp:  
Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký tham dự Đại hội tại Công Ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO hoặc gửi Giấy đăng ký dự họp (theo mẫu đính kèm) về địa chỉ dưới đây trước 11h00 ngày 26/04/2021.
5. Ủy quyền tham dự đại hội:  
Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (gửi đính kèm) hoặc mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước 11h00 ngày 26/04/2021 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.  
*(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền cần có dấu của tổ chức ủy quyền (nếu có).*
6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

- Địa chỉ : Tầng 22, Số 29A Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3822 5063 - Fax: (028) 3822 5060
- Liên hệ: Bà Phạm Thị Ngọc Thúy - Email: [ngocthuy270170@gmail.com](mailto:ngocthuy270170@gmail.com)

7. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:
  - Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có)
  - Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Phạm Quang Thái



Animal Health

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**  
Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)  
Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp  
lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
(Dự kiến bắt đầu lúc 8h30 ngày 28 tháng 04 năm 2021)

Thời gian	Nội dung
8:30 – 9:00	<b>Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Đón tiếp đại biểu và cổ đông;</li><li>Đại biểu và cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký tham dự, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội.</li></ul>
9:00 – 9:30	<b>Khai mạc Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;</li><li>Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;</li><li>Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định Ban thư ký;</li><li>Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết;</li><li>Thông qua Quy chế làm việc;</li><li>Thông qua chương trình Đại hội.</li></ul>
9:30 – 10:45	<b>1. HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát trình bày các nội dung sau:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021;</li><li>Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021;</li><li>Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.</li></ul> <b>2. Các tờ trình Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;</li><li>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021</li><li>Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;</li><li>Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm 2021;</li><li>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</li><li>Sửa đổi Điều lệ Công ty;</li><li>Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</li><li>Các nội dung khác theo thẩm quyền của Đại hội cổ đông</li></ul> <b>3. Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.</b>
10:45 – 11:15	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết.
11:15 – 11:40	<ul style="list-style-type: none"><li>Ban Kiểm Phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết;</li><li>Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ;</li><li>Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.</li></ul>
11:40	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.



**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN  
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính gửi:** Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

Tên cổ đông (CD): .....

Người đại diện theo pháp luật (chỉ áp dụng đối với CD là tổ chức): .....

CMND/CCCD/HC/CNĐKKD số: ..... cấp ngày ..... tại .....

Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: ..... cổ phần.

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY

Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/HC số: ..... cấp ngày ..... tại .....

Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
1	Phạm Quang Thái	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Thị Kim Lan	Thành viên HĐQT		
3	Trần Tuấn Khanh	Thành viên HĐQT		
4	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên HĐQT		
5	Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên)

**Nội dung ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

**Lưu ý:**

Người nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của người ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO kết thúc.

**Cổ đông/Người ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2021  
**Người được ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 115 /QC-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

### **Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

### **1. MỤC ĐÍCH**

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

### **2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI**

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO.

### **3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT**

- Công ty : Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát

- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

#### **4. NỘI DUNG QUY CHẾ**

##### **4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

##### **4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 29/03/2021 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

##### **4.3 Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

##### **4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của BTC Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi

đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tịch**

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc đột ngột vắng mặt trong lúc Đại hội đang diễn ra quá 30 phút thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
  - Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **4.6 Thư ký Đại hội**

- Chủ tọa Đại hội cử hai người làm thư ký ĐHĐCĐ.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

#### **4.7 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu**

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đại diện đủ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

#### **4.8 Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
  - Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho thư ký.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

#### **4.9 Phát biểu tại Đại hội**

Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

##### **4.10.1 Nguyên tắc**



- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết như sau:
  - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Thành phần Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

#### **4.10.2 Cách thức biểu quyết**

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại

biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

#### **4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

#### ➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### **4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết**

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 29/03/2021) tổng số cổ phần của Công ty là: 16.000.000 cổ phần tương đương với 16.000.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.
- Lưu ý:
  - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số Phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
  - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### **4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết.

34/2  
TY  
LÃN  
HỮ  
JONG  
TCO  
TCHI

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### 4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ có thể được đọc và phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### 5. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh/phòng ngừa dịch bệnh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh/ phòng ngừa dịch bệnh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

*Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.*

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Quang Thái

**TỔNG GIÁM ĐỐC BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020  
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

*Kính thưa Quý vị cổ đông*

Thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty CP Thuốc Thú y TW NAVETCO, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

**PHẦN I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC SXKD NĂM 2020.**

**1. Kết quả kinh doanh năm 2020**

ĐVT tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020
1	Doanh thu thuần	613.6
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.61
3	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	18.76
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	72.85

*(Theo báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)*

Nhìn chung, năm 2020, tình hình bệnh Dịch Tả Heo Châu Phi diễn biến phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình chăn nuôi cả nước. Thêm vào đó, dịch Covid -19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu, kinh doanh gặp nhiều khó khăn so với năm 2019

**2. Tình hình tài chính:**

Ban điều hành công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, tổ chức hạch toán kế toán phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và quy định của pháp

luật. Công tác quyết toán tài chính được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ, đúng thời gian. Thực hiện việc kiểm toán cuối năm đúng quy định.

### **3. Kết quả nghiên cứu- sản xuất- kinh doanh- đầu tư**

#### **3.1 Nghiên cứu**

- Năm 2020, Công ty đã đăng ký mới được 6 sản phẩm, trong đó có 4 dược phẩm và 2 loại vắc xin.
- Công ty cũng đang triển khai “ nghiên cứu SX VX và chế phẩm sinh học phòng chống bệnh Dịch Tả Heo Châu Phi sử dụng virus thực địa, giai đoạn 2019-2021”, hợp tác với Chi Cục Thú Y Vùng VI và Cục Thú Y . Ngoài ra còn kết hợp với trường đại học Kansas và Trung Tâm Bệnh Gia Súc Plum Island của Mỹ để thúc đẩy nhanh quá trình nghiên cứu
- Phát triển các chế phẩm sinh học, vắc xin thể hệ mới giúp tăng khả năng cạnh tranh như: Lên men và tách chiết thành công kháng nguyên tái tổ hợp F18 và Shigatoxin quy mô công nghiệp để phục vụ sản xuất vắc xin phòng bệnh phù đầu cho heo do E.Coli. Lên men và tinh sạch thành công IFN anpha và gamma ở dạng có hoạt tính, nâng cao hiệu quả phòng trị bệnh của sản phẩm Interferon.
- Tiếp đời virus PED nhằm nghiên cứu vaccine nhược độc phòng bệnh tiêu chảy do PED trên heo.
- Phân lập các virus gây bệnh giảm đẻ và bệnh Derzsy trên vịt để làm cơ sở nghiên cứu vắc xin phòng bệnh cho vịt.

#### **3.2 Sản xuất- kinh doanh- đầu tư**

- Các hệ thống quản lý ISO 9001, ISO 17025 và GMP-WHO đều được duy trì hoạt động.
- Hoàn thành thiết kế khu An toàn sinh học cấp 3 tại Củ Chi với thiết kế chi tiết đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Y tế.
- Hoàn thiện bộ phận hiệu chuẩn nội bộ các thiết bị áp lực, nhiệt kế: nhân sự được cử đi học tại Quatest 3, xây dựng phòng hiệu chuẩn đạt yêu cầu, trang bị các thiết bị chuẩn. Giúp chủ động trong công tác hiệu chuẩn và giảm chi phí hiệu chuẩn hàng năm cho công ty.
- Đầu tư tại phân xưởng sx dược phẩm: hệ thống mâm xoay- băng tải, kết nối liên hoàn từ hầm sấy sang máy ra chai; lắp đặt máy vô hộp tự động; hầm sấy chai công suất 3600 chai 100ml/ giờ.

## PHẦN II. KẾ HOẠCH NĂM 2021

Nhận định thị trường năm 2021 sẽ khó khăn, tình hình dịch COVID 19 vẫn đang lây lan tiếp diễn, hy vọng giảm nhiều khi tiêm vắc xin trên diện rộng. Thích nghi với tình hình mới, công ty sẽ đưa ra những chính sách thích hợp để đạt được những mục tiêu mà công ty đề ra.

### 1. Kế hoạch SXKD năm 2021:

- Tổng doanh thu: 670 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 94 tỷ đồng

### 2. Kế hoạch đầu tư xây dựng:

- Xây dựng Trung Tâm Thú Y Củ chi đạt cấp độ phòng an toàn sinh học cấp 3 do Bộ Y tế đánh giá, chứng nhận
- Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư cho phân xưởng SX, mua máy móc thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu sản phẩm sang thị trường thế giới

### 3. Các giải pháp thực hiện:

#### - Nhóm giải pháp về thị trường, sản phẩm

- + Duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy sản xuất dược phẩm và vắc xin đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, nâng cao năng suất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.
- + Đổi mới công tác marketing, cải tiến mẫu mã bao bì nhằm nâng cao giá trị thương hiệu của sản phẩm.
- + Triển khai trang web với đa dạng ngôn ngữ nhằm marketing online với thị trường nước ngoài
- + Tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm khai thác có hiệu quả công suất của các nhà máy cũng như ổn định và gia tăng thị phần. Phát triển các thị trường mới mở như Nga, Belarus, Jordan, Ai cập, Libya, châu Phi,...Sau khi có an toàn dịch Covid-19, Chính Phủ các nước sẽ sang đánh giá công nhận GMP nhà máy và chuyển sang giai đoạn kinh doanh.

#### - Nhóm giải pháp về tài chính

- + Quản lý chặt chẽ tài sản, dòng tiền và tài sản tồn kho.
- + Tổ chức tốt hoạt động hệ thống kế toán theo chuẩn mực quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực và đáp ứng yêu cầu các hoạt động kinh doanh của Công

ty: Ban hành quy trình kiểm kê, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán hàng tháng, quý, năm đúng niên độ.

+ Thực hiện đầy đủ yêu cầu kiểm toán: soát xét sơ bộ 6 tháng đầu năm và kiểm toán cuối năm về thuế, hàng tồn kho .... của đơn vị kiểm toán đã được đại hội cổ đông chấp thuận.

*- Nhóm giải pháp về nhân sự*

+ Quy hoạch và xây dựng đội ngũ nhân lực mạnh, tinh thông nghiệp vụ, năng động sáng tạo, quản lý giỏi, nhạy bén trong kinh doanh.

+ Đổi mới hình thức tuyển dụng và đào tạo, tập trung đào tạo đội ngũ tiếp thị, cán bộ nhân viên chuyên môn, cộng tác viên.

+ Có chính sách đãi ngộ tốt nhằm thu hút và giữ được lao động có năng lực.

*- Nhóm giải pháp về nghiên cứu khoa học*

+ Tiếp nhận tiến bộ khoa học trong và ngoài nước, nghiên cứu tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao.

+ Tham gia các đợt hội thảo, qua đó trao đổi kinh nghiệm, nắm bắt tình hình thực tế, định hướng các nghiên cứu đón đầu và quảng bá sản phẩm công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về một số hoạt động của công ty sau khi cổ phần và kế hoạch năm 2021. Ban Tổng Giám Đốc cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các mục tiêu đã đề ra để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 được Hội Đồng Quản Trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT zh



PHẠM QUANG THÁI

Số: 117 /BC-NVC

TPHCM, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO xin trân trọng báo cáo đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2021 như sau:

**1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020**

Năm 2020 là năm rất khó khăn cho ngành thú y Việt nam, do ngành chăn nuôi chịu tác động trực tiếp từ bệnh dịch tả heo Châu Phi làm tổng đàn heo giảm rõ rệt. Thêm vào đó, dịch Covid-19 đã làm nền kinh tế toàn cầu ngưng trệ, tắc nghẽn toàn hệ thống.

Trước những khó khăn đó, HĐQT công ty đã kịp thời đề ra những chính sách uyển chuyển để phù hợp với tình hình kinh doanh của từng giai đoạn. Kết quả đã hoàn thành với những chỉ tiêu đáng khích lệ:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch 2020</b>	<b>Thực hiện năm 2020</b>
Doanh số (tỷ đồng)	600	613.6
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	90	91.6
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020	25%	25%

Những kết quả này đã khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp với các giải pháp HĐQT đã triển khai thực hiện, đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước cũng như quyền lợi cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

**2. CÁC CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**2.1. Công tác điều hành và nhân sự**

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 13 phiên họp và ban hành 13 nghị quyết. Các cuộc



họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Nội dung bàn thảo và phê duyệt cụ thể như sau:

- Nghị quyết về doanh số, quỹ lương Công ty theo từng thời kỳ
- Chuẩn bị tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông và tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Công tác nhân sự điều hành HĐQT
- Bổ nhiệm thêm 2 Phó Tổng Giám Đốc mới
- Đầu tư xây dựng Khu An Toàn Sinh Học cấp 3 tại Trung Tâm Thú Y Cù Chi
- Đầu tư nghiên cứu: dự án hợp tác chuyển giao bản quyền sử dụng và vật liệu công nghệ để sản xuất vắc xin phòng bệnh Dịch tả heo Châu Phi (AFS) với đối tác Agricultural Reseach Service (USA)

## 2.2 Các hoạt động khác

- Đã chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông với tỷ lệ 28% trên mệnh giá cổ phiếu.
- Mua lại cổ phần hạn chế chuyển nhượng của người lao động nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ.
- Triển khai phương án chào bán cổ phiếu quỹ cho người lao động.
- Do Công ty CP Thuốc Thú y TW Navetco có vốn nhà nước chi phối (vốn nhà nước chiếm 65% vốn điều lệ) nên quỹ thù lao của HĐQT được thực hiện dựa trên Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 01/9/2016 về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Ngày 29/3/2021, Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Nông nghiệp & PTNT đã đến kiểm tra và quyết toán quỹ thù lao năm 2020 theo quy định.

## 2.3. Kết quả giám sát Ban Tổng Giám Đốc Công ty

- Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của HĐQT để mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các nội quy công ty trong điều hành nghiên cứu, sản xuất kinh doanh.
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, đưa ra các quyết định kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho công ty, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

#### 2.4 Đánh giá, kiểm điểm của Hội đồng quản trị

- Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết: HĐQT đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm đề ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả.
- Công tác chỉ đạo, giám sát: chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám Đốc tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty đến từng cán bộ quản lý, phòng ban.

### 3. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

#### 3.1 Các chỉ tiêu hoạt động năm 2021

Bệnh dịch tả heo châu Phi kéo dài trong năm 2020 đã ảnh hưởng đến ngành thú y rất nhiều. Tiếp theo đó, dịch COVID 19 đã làm cho nền kinh tế Việt nam nói riêng và toàn cầu nói chung bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tiễn, HĐQT thông nhất một số chỉ tiêu chính trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, báo cáo và trình ĐHĐCĐ năm 2021 xem xét thông qua, cụ thể như sau:

- Tổng doanh số năm 2021 là 670 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 94 tỷ đồng
- Quỹ lương người lao động: 61 tỷ đồng
- Quỹ lương quản lý: 3,2 tỷ đồng,
- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%. Dành phần lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ để làm nguồn vốn sản xuất kinh doanh và xây dựng

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì các kỳ họp và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các cổ đông để triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, thực hiện công tác quản trị công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### 3.2 Một số nhiệm vụ trọng điểm của HĐQT

Đặt trong bối cảnh chung, phân tích khó khăn - thuận lợi, thời cơ – thách thức của Công ty, Hội đồng quản trị tập trung tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm sau:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 linh hoạt, thích ứng với thị trường, tận dụng cơ hội, giảm thiểu các rủi ro, đảm bảo duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, thu nhập cho cán bộ nhân viên và cổ tức cho cổ đông.

2. Đẩy mạnh công tác xuất khẩu sang các nước trong khu vực và các thị trường mới như Nga, Belarus, Jordan, Ai cập, Châu Phi,... Đối với các thị trường đã có, tập trung phát triển, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm mà khách hàng chưa biết đến. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và đưa vắc xin ra tiêu thụ trên thị trường thế giới.
3. Giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc và cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của công ty đạt mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty NAVETCO, vượt mọi khó khăn, tiếp tục hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch của năm 2021.

Chúc Quý vị cổ đông luôn mạnh khỏe và hạnh phúc, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Thái*



PHẠM QUANG THÁI



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2021



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều lệ Công ty CP Thuốc thú y Trung ương NAVETCO;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 đã được kiểm toán;

Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) các nội dung chính như sau:

### 1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2020

Trong 06 tháng đầu năm 2020, số lượng thành viên Ban Kiểm Soát (BKS) là 02 người, do bà Võ Thanh Thùy Trang có đơn từ nhiệm vào tháng 08/2019. ĐHĐCD thường niên vào ngày 26/06/2020 đã bầu bổ sung thêm 01 thành viên BKS và số lượng thành viên BKS được duy trì là 03 người cho đến thời điểm hiện tại.

Ban Kiểm Soát đã thực hiện giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm 2020 với một số nội dung trọng yếu:

1. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020;
2. Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2020;
3. Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020;
4. Kết luận và kiến nghị của BKS trong công tác quản lý điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc.

### 2. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	600 tỷ đồng	613 tỷ đồng	102.17%
2	Lợi nhuận trước thuế	90 tỷ đồng	91.6 tỷ đồng	101.79%
3	Tỷ lệ chia cổ tức	25%	25% (dự kiến)	100%

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trong năm 2020 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Đây thực sự là một năm khó khăn đối với tất cả các doanh nghiệp nói chung, và riêng ngành chăn nuôi, thú y vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng của

bệnh Dịch Tả heo Châu Phi, cúm gia cầm, dại, lở mồm long móng, tai xanh và gần đây là dịch bệnh viêm da nổi cục đang hoành hành tại nhiều tỉnh, thành phố, làm hàng nghìn trâu bò mắc bệnh, buộc phải tiêu hủy. Hoạt động SXKD của công ty cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng này. HĐQT đã họp và điều chỉnh kế hoạch SXKD theo Nghị quyết số 486/NQ-HĐQT ngày 13/10/2020 cho sát với tình hình thực tế. Theo đó, tổng doanh thu kế hoạch năm 2020 điều chỉnh là 600 tỷ đồng và vẫn giữ các chỉ tiêu về lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức. Kết quả tổng doanh thu thực hiện là 613 tỷ đồng, đạt 102.17% kế hoạch, chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế ở mức 91.6 tỷ đồng, đạt 101.79% kế hoạch đã đề ra.

DVT: đồng

TT	CHI TIÊU	Năm 2020	Năm 2019	TĂNG GIAM %
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>613,600,032,995</b>	<b>893,850,356,826</b>	<b>-31.35%</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	477,000,000	126,666,667	276.58%
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng &amp; cung cấp dịch vụ</b>	<b>613,123,032,995</b>	<b>893,723,690,159</b>	<b>-31.40%</b>
4.	Giá vốn hàng bán	373,560,029,892	548,666,811,256	-31.91%
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>239,563,003,103</b>	<b>345,056,878,903</b>	<b>-30.57%</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	3,208,933,027	7,981,935,410	-59.80%
7.	Chi phí tài chính	4,200,093,761	10,279,232,816	-59.14%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	31,232,877	-	
8.	Chi phí bán hàng	101,830,272,137	155,385,463,009	-34.47%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	48,777,175,473	71,307,683,868	-31.60%
10.	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>87,964,394,759</b>	<b>116,066,434,620</b>	<b>-24.21%</b>
11.	Thu nhập khác	4,517,577,361	5,660,727,505	-20.19%
12.	Chi phí khác	868,661,483	8,114,591,725	-89.30%
13.	Lợi nhuận khác	3,648,915,878	(2,453,864,220)	248.70%
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>91,613,310,637</b>	<b>113,612,570,400</b>	<b>-19.36%</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,766,594,424	24,434,715,333	-23.20%
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>72,846,716,213</b>	<b>89,177,855,067</b>	<b>-18.31%</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3,575</b>	<b>4,478</b>	<b>-20.17%</b>

(Nguồn: báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

Phân tích cho thấy doanh thu thuần năm 2020 giảm 31.4% so với năm 2019, tương đương giảm 280 tỷ đồng, nguyên nhân là do sự sụt giảm mạnh trong doanh thu từ bán vắc-xin nhập khẩu, giảm 53.83%, tương đương 267 tỷ đồng, chủ yếu là sự suy giảm lớn từ doanh thu bán vắc-xin LMLM nhập từ Boehringer Ingelheim (BI), Pháp (trước đây là Merial). Một phần là do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty trên thị trường vắc-xin LMLM nhập

khẩu, một phần là do năm 2020 xảy ra đại dịch Covid khiến năng lực sản xuất và khả năng cung ứng vắc-xin này của đối tác bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 tăng nhẹ so với năm 2019, đạt mức 39.07%. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đến từ hoạt động kinh doanh được đạt 37.28%, giảm 13.18%, từ hoạt động kinh doanh vắc-xin sản xuất đạt 39.17%, giảm 4.41%, và từ hoạt động kinh doanh vắc-xin nhập khẩu đạt 40.4%, tăng 8.37% so với cùng kỳ năm trước. Có thể thấy giá vốn hàng bán đối với các sản phẩm tự sản xuất trong nước có khuynh hướng tăng do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng, đặc biệt ở mảng dược phẩm.

Tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý trên doanh thu lần lượt là 16.61% và 7.96%, không thay đổi nhiều so với năm 2019, nhưng giá trị tuyệt đối đã giảm trên 30%, tương đương 76 tỷ đồng, trong đó chi phí lương nhân viên và quản lý đã giảm khoảng 40%, tương đương 18.6 tỷ đồng trong năm 2020.

Công ty không có chi phí vay tài chính cho hoạt động SXKD, phản ánh sự tự chủ tốt về tài chính. Tuy nhiên, chỉ tiêu này cũng cho thấy doanh nghiệp vẫn còn nhiều cơ hội bỏ ngõ để gia tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu nếu sử dụng hiệu quả hơn công cụ đòn bẩy tài chính.

Lợi nhuận sau thuế đạt 72.8 tỷ đồng, giảm 18.31%, tương đương 16.3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, làm thu nhập trên mỗi cổ phiếu đạt 3,575 đồng, giảm 903 đồng, tương ứng giảm 20.17%.

### 3. Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2020

*ĐVT: đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng giảm %
<b>TÀI SẢN</b>			
A. Tài sản ngắn hạn	458,995,879,042	456,010,431,612	0.65%
B. Tài sản dài hạn	464,428,237,294	479,996,938,913	-3.24%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>923,424,116,336</b>	<b>936,007,370,525</b>	<b>-1.34%</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			
C. Nợ phải trả	592,397,623,564	613,075,970,688	-3.37%
I. Nợ ngắn hạn	390,897,623,564	411,575,970,688	-5.02%
II. Nợ dài hạn	201,500,000,000	201,500,000,000	0.00%
D. Vốn chủ sở hữu	331,026,492,772	322,931,399,837	2.51%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>923,424,116,336</b>	<b>936,007,370,525</b>	<b>-1.34%</b>

*(Nguồn: báo cáo tài chính đã được kiểm toán)*

#### 3.1. Nhận xét chung

So với đầu năm, tổng tài sản cũng như tổng nguồn vốn của Công ty giảm 12.5 tỷ đồng, tương đương giảm 1.34%.

*Về tài sản:* tài sản ngắn hạn tăng 3 tỷ (tương đương tăng 0.65%) và tài sản dài hạn giảm 15,5 tỷ (tương đương giảm 3.24%), nên cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển nhẹ, cụ thể tài sản ngắn hạn chiếm 49.71% (năm 2019 là 48.72%) và tài sản dài hạn chiếm 50.29% (năm 2019 là

51.28%) tổng tài sản của công ty. Có thể thấy cơ cấu tài sản của công ty trong 5 năm trở lại đây đã dịch chuyển theo hướng tương đối đồng đều giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn. Cấu trúc này được đánh giá là khá phù hợp với đặc điểm của một doanh nghiệp sản xuất.

*Về nguồn vốn:* giá trị nợ phải trả và vốn chủ sở hữu cũng đã có sự thay đổi nhẹ về cơ cấu. So với thời điểm đầu năm, nợ phải trả giảm 22.6 tỷ (tương đương giảm 3.37%), và vốn chủ sở hữu tăng 8.1 tỷ (tương đương tăng 2.51%). Tại thời điểm cuối năm 2020, nợ phải trả chiếm 64.15% và vốn chủ sở hữu chiếm 35.85% tổng nguồn vốn. Mặc dù tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vẫn ở mức cao (1.79 lần) do tính chất kinh doanh đặc thù, nhưng đang có xu hướng giảm dần theo các năm, cho thấy sự chủ động về tài chính của công ty đã được gia tăng.

### 3.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	CHỈ SỐ	NAM 2020	NAM 2019
<b>1.</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
	Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1.17	1.11
	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0.58	0.75
<b>2.</b>	<b>Chỉ tiêu về công nợ</b>		
	Vòng quay khoản phải thu (vòng)	6.89	7.69
	Vòng quay khoản phải trả (vòng)	6.42	12.73
<b>3.</b>	<b>Hiệu quả sử dụng tài sản</b>		
	Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2.65	6.06
	Vòng quay tổng tài sản (vòng)	0.66	0.95
<b>4.</b>	<b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>		
	Tỷ suất sinh lợi tổng tài sản (ROA)	7.89%	9.53%
	Tỷ suất sinh lợi vốn CSH (ROE)	22.01%	27.62%

Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty vẫn được đảm bảo trong mức an toàn khi 1 đồng nợ được đảm bảo 1 đồng tài sản ngắn hạn, và chỉ số thanh toán nhanh giảm nhưng vẫn đang ở mức an toàn là  $0.58 > 0.5$ .

Vòng quay khoản phải thu giảm, cho thấy tốc độ thu hồi các khoản nợ chậm hơn, nguyên nhân là do sự nới lỏng chính sách trả chậm nhằm san sẻ khó khăn chung với khách hàng trong năm vừa qua. Bên lại công ty đã tận dụng vốn của nhà cung cấp tốt hơn so với năm 2019 khiến cho thời gian trả tiền và thu tiền bình quân tương đối cân bằng.

Vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh từ 6.06 vòng năm 2019 xuống 2.65 vòng năm 2020, cho thấy việc luân chuyển hàng tồn kho trong năm diễn ra khá chậm, một phần là do tình hình kinh doanh khó khăn khiến việc tiêu thụ sản phẩm chậm hơn trước, một phần do công ty chủ động gia tăng dự trữ nguyên vật liệu để giảm thiểu tác động của tình trạng khan hiếm nguồn cung trong thời kỳ đại dịch Covid.

Các chỉ số về hiệu quả sử dụng tài sản ROA ở mức 7.89%, và hiệu quả sử dụng vốn CSH ROE ở mức 22.01%, giảm so với năm trước nhưng vẫn duy trì cao hơn so với trung bình ngành Dược phẩm và công nghệ sinh học (Mã ICB: 4570) với ROA là 7.21% và ROE là 13.49%. (Nguồn: [www.stockbiz.vn](http://www.stockbiz.vn), cập nhật ngày 30/03/2021)

Nhìn chung, các chỉ số trên cho thấy tình hình tài chính Công ty vẫn đảm bảo được tính an toàn và lành mạnh cho tới thời điểm ghi nhận.

#### 4. Nhận xét đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc

##### 4.1. Hoạt động quản lý điều hành của HĐQT:

Đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng Pháp Luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ đề ra, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo việc chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và trích quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty;
- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 hiệu quả, đạt kế hoạch đặt ra về doanh thu và lợi nhuận;
- Chỉ đạo và thực hiện mua lại cổ phần hạn chế chuyển nhượng của người lao động nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ và bán cổ phiếu quỹ cho người lao động được lựa chọn năm 2020;
- Đề nghị cơ cấu lại nhân sự HĐQT;
- Chỉ đạo Công tác đầu tư vào các dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh khu nuôi thú công độc đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3 tại Củ Chi;
- Chỉ đạo đầu tư hợp tác nghiên cứu sản xuất vắc xin Dịch tả heo Châu Phi với chính phủ Mỹ thông qua chuyển giao bản quyền vật liệu sinh học và sáng chế.

##### 4.2. Hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp Luật Nhà Nước, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

###### ✓ Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

Thực hiện kế hoạch SXKD hiệu quả, đạt kế hoạch đặt ra về doanh thu và lợi nhuận.

###### ✓ Công tác kế toán:

Việc tính toán, ghi chép, các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

Công tác quản lý các chi phí thắt chặt hơn, kết quả đã giảm bình quân 30% chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2020.

Nhìn chung các số liệu trên báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình Tài chính tính đến thời điểm 31/12/2020 của Công ty, kết quả hoạt động SXKD, và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

###### ✓ Thực hiện các dự án đầu tư :

Tiếp tục hoàn thiện dự án đầu tư cho phân xưởng SX, mua máy móc, thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất.

Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh khu nuôi thú công độc đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3 tại Củ Chi đã thực hiện xong phần thiết kế thi công, chuyển sang giai đoạn xây dựng và hoàn thiện trong năm 2021. Do tính chất kỹ thuật phức tạp của dự án và tình hình dịch Covid diễn ra không thuận lợi đã kéo dài thời gian thực hiện hơn dự kiến.



Dự án đầu tư hợp tác nghiên cứu sản xuất vắc xin Dịch tả heo Châu Phi với Mỹ thông qua chuyển giao bản quyền vật liệu sinh học và sáng chế đang được thực hiện tích cực với những kết quả bước đầu đáng ghi nhận.

✓ **Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:**

Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ Công ty và Thỏa ước lao động, việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định. Mặc dù thu nhập bình quân người lao động giảm nhưng HĐQT và Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực giúp duy trì hoạt động có lãi, chi trả cổ tức cho cổ đông, tạo việc làm, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế.

Việc thực hiện ký kết hợp đồng giữa người sử dụng lao động và người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, Luật lao động, mua BHXH và BHYT đầy đủ cho người lao động, tiền BHXH, BHYT đã nộp kịp thời đúng quy định.

Các hoạt động tổ chức chính trị xã hội như Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp. Các chế độ thi đua khen thưởng, phong trào văn hoá văn nghệ, thể thao luôn được duy trì, riêng tham quan du lịch trong và ngoài nước năm 2020 không thể thực hiện được do tình hình đại dịch Covid.

✓ **Thực hiện chế độ kiểm toán:**

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán được phép kiểm toán công ty đại chúng.

**5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc**

BKS đã cử đại diện tham dự các cuộc họp định kỳ của Ban Tổng giám đốc và có ý kiến đóng góp đối với một số hoạt động của công ty nhằm đảm bảo các chủ trương quyết định được ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

BKS cũng đồng thời được tiếp cận các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, và có ý kiến phản hồi, trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát luôn được HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các bộ phận, phòng ban hỗ trợ, giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ.

**6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan.**

6.1. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không phát sinh.

6.2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT đã và đang là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian 3 năm trở lại đây: không phát sinh.

**7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS**

Thù lao của Hội đồng Quản Trị và Ban kiểm soát đã được thực hiện phù hợp quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ

phần, vốn góp chi phối của nhà nước và đã được Vụ quản lý doanh nghiệp – Bộ NN&PTNT kiểm tra và quyết toán.

## 8. Kết luận và kiến nghị

### 8.1. Kết luận

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không ghi nhận trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty, và không nhận được bất kỳ kiến nghị nào từ cổ đông.

Các hoạt động của Công ty được BKS xem xét trong năm qua đều tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### 8.2. Kiến nghị

Từ những đánh giá và nhận định trên, Ban kiểm soát có một số đề xuất như sau:

- HĐQT và Ban Tổng giám đốc cần tiếp tục đề ra các giải pháp thận trọng, hợp lý trong chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong hoàn cảnh kinh tế nhiều biến động và mức độ cạnh tranh ngày càng cao;
- Tăng cường công tác kế hoạch nhằm nắm vững và chỉ đạo kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Chú trọng vào việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh với hàm lượng chất xám cao;
- Tiếp tục tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động, cũng như quản trị dòng tiền hiệu quả để phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

## 9. Kế hoạch của ban kiểm soát năm 2021

BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS:

- Ban hành và áp dụng Quy chế hoạt động mới của BKS theo Luật doanh nghiệp 2020;
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ 2021;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, đầu tư, ký kết hợp đồng;
- Thẩm định các báo cáo tài chính năm 2021;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ như quy định trong Quy chế hoạt động của BKS.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

*Kính trình!*

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS; TGD;
- Lưu: BKS, BTKHĐQT.

**T/M BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng Ban**



**Nguyễn Thị Mi Sa**



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 112 /TTr-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

*Vy thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán*

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 được lập ngày 31/12/2020 và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) ký ngày 22/3/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 119 /TTr-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021



## TỜ TRÌNH

V/v **Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của công ty như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO.
2. Về các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:
  - Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các công ty đại chúng.
  - Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC)
  - Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
  - Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty yêu cầu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

Nguyễn Thị Mi Sa



® CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 120 /TTr-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020  
và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2021,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

### 1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế		91.613.310.637
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		18.766.594.424
3.	Lợi nhuận kế toán sau thuế phân phối	100%	72.846.716.213
3.1	- Quỹ đầu tư phát triển	23,00%	16.754.744.729
3.2	- Quỹ khen thưởng	21,00%	15.297.810.405
3.3	- Cổ tức 25% (*)	54,91%	40.000.000.000
3.4	- Quỹ khen thưởng người quản lý (1.5 tháng lương bình quân)	0,76%	553.311.000
3.5	- Lợi nhuận còn lại	0,33%	240.850.079

(\*) Ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm chi trả, tạm ứng khi điều kiện lợi nhuận đảm bảo.

### 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, tình hình kinh doanh cực kỳ khó khăn cùng với chủ trương tiết kiệm để đầu tư xây dựng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội kế hoạch chia cổ tức năm 2021 là 20%.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.





Animal Health

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 14 / TT - NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v *Phê duyệt mức tạm trích thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty*

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ngày 01/09/2016 về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương NAVETCO kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án tạm trích phần chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty như sau:

**Quỹ thù lao = 54 triệu đồng x 20% x 8 người x 12 tháng = 1.036.800.000 đồng**

Trong đó: 54 triệu đồng là mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách.

Vào cuối năm 2021 Công ty sẽ quyết toán quỹ thù lao này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.





Animal Health

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 122 /TTr-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v Về kế hoạch kinh doanh năm 2021

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ dự báo tình hình thị trường năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua Tờ trình về kế hoạch kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu	670 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	94 tỷ đồng
3	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	20%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <sup>VT</sup>  
CHỦ TỊCH  
  
PHẠM QUANG THÁI



Animal Health

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 123 /TTTr-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc Sửa đổi và ban hành toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.



PHẠM QUANG THẠ



**DỰ THẢO**



## **ĐIỀU LỆ**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

*THÁNG NĂM 2021*

# MỤC LỤC

	Trang
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	06
<b>Chương 1. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	06
<i>Điều 1.</i> Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ .....	06
<b>CHƯƠNG II. TÊN GỌI, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	07
<i>Điều 2.</i> Tên gọi, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	07
<i>Điều 3.</i> Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	08
<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ PHẠM VI KINH DOANH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	09
<i>Điều 4.</i> Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	09
<i>Điều 5.</i> Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	10
<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ....</b>	10
<i>Điều 6.</i> Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	10
<i>Điều 7.</i> Chuyển nhượng cổ phần .....	11
<i>Điều 8.</i> Thu hồi cổ phần .....	12
<b>CHƯƠNG V. TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	12
<i>Điều 9.</i> Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	13
<i>Điều 10.</i> Cổ đông Quyền của cổ đông .....	13
<i>Điều 11.</i> Nghĩa vụ của cổ đông .....	15
<i>Điều 12.</i> Đại hội đồng cổ đông .....	17
<i>Điều 13.</i> Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	19
<i>Điều 14.</i> Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
<i>Điều 15.</i> Thay đổi các quyền .....	22

<i>Điều 16.</i> Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
<i>Điều 17.</i> Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
<i>Điều 18.</i> Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	25
<i>Điều 19.</i> Điều kiện để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..	27
<i>Điều 20.</i> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	28
<i>Điều 21.</i> Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
<i>Điều 22.</i> Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>31</b>
<i>Điều 23.</i> Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	32
<i>Điều 24.</i> Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
<i>Điều 25.</i> Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	35
<i>Điều 26.</i> Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
<i>Điều 27.</i> Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.....	37
<i>Điều 28.</i> Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	39
<i>Điều 29.</i> Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	42
<i>Điều 30.</i> Người phụ trách quản trị Công ty.....	42
<b>MỤC VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>43</b>
<i>Điều 31.</i> Tổ chức bộ máy quản lý .....	43
<i>Điều 32.</i> Người điều hành Công ty.....	43
<i>Điều 33.</i> Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	44
<i>Điều 34.</i> Phó Tổng giám đốc.....	46
<i>Điều 35.</i> Kế toán trưởng.....	47
<i>Điều 36.</i> Thư ký Công ty .....	48
<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>48</b>
<i>Điều 37.</i> Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	48
<i>Điều 38.</i> Thành phần Ban kiểm soát.....	49
<i>Điều 39.</i> Trưởng Ban kiểm soát.....	49

<i>Điều 40.</i> Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	50
<i>Điều 41.</i> Cuộc họp Ban kiểm soát.....	51
<i>Điều 42.</i> Trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	51
<i>Điều 43.</i> Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	52
<b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>52</b>
<i>Điều 44.</i> Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành.....	52
<i>Điều 45.</i> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi ...	52
<i>Điều 46.</i> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	54
<b>CHƯƠNG XI. QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY KHÁC.....</b>	<b>54</b>
<i>Điều 47.</i> Vốn Công ty đầu tư ở Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh .....	55
<i>Điều 48.</i> Quản lý phần vốn góp của Công ty góp vào doanh nghiệp khác là Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh .....	55
<i>Điều 49.</i> Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là Công ty con, Công ty liên kết, công ty liên doanh .....	55
<i>Điều 50.</i> Quyền, nghĩa vụ và quyền lợi của người đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh .....	56
<b>CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY...</b>	<b>58</b>
<i>Điều 51.</i> Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ Công ty .....	58
<i>Điều 52.</i> Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty .....	58
<b>CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>59</b>
<i>Điều 53.</i> Công nhân viên và công đoàn .....	59
<i>Điều 54.</i> Tổ chức Đảng cộng sản Việt nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.....	59
<b>CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>59</b>
<i>Điều 55.</i> Phân phối lợi nhuận .....	59

<b>CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>60</b>
<i>Điều 56.</i> Tài khoản ngân hàng .....	60
<i>Điều 57.</i> Trích lập quỹ.....	60
<i>Điều 58.</i> Năm tài chính .....	60
<i>Điều 59.</i> Chế độ kế toán .....	60
<b>CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>62</b>
<i>Điều 60.</i> Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	62
<i>Điều 61.</i> Báo cáo thường niên.....	62
<i>Điều 62.</i> Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	62
<b>CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>63</b>
<i>Điều 63.</i> Kiểm toán Công ty .....	63
<b>CHƯƠNG XVIII. CON DẤU .....</b>	<b>63</b>
<i>Điều 64.</i> Dấu của Doanh nghiệp.....	63
<b>CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>63</b>
<i>Điều 65.</i> Giải thể Công ty.....	63
<i>Điều 66.</i> Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	64
<i>Điều 67.</i> Thanh lý .....	64
<b>CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>65</b>
<i>Điều 68.</i> Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	65
<b>CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>65</b>
<i>Điều 69.</i> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	65
<i>Điều 70.</i> Ngày hiệu lực .....	66
<i>Điều 71.</i> Họ tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật Công ty.....	66
<b>PHỤ LỤC SỐ 1 .....</b>	<b>67</b>

# PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO (dưới đây gọi là “**Công ty**”) là cơ sở pháp lý cho các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh của Công ty. Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Thuốc Thú y Trung ương và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Các cổ đông, Người quản lý điều hành, cùng toàn thể người lao động của Công ty phải có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện Điều lệ này.

## Chương I

### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương NAVETCO;

b) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

đ) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên;

e) “Cán bộ quản lý cấp cao” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức vụ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ký kết giao dịch của Công ty theo Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm (nếu có);

g) “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) “Cán bộ quản lý” là các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

i) “Những người liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 22, Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;

l) “Việt Nam” có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

m) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

n) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Chương II**

### **TÊN GỌI, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO.

- Tên tiếng Anh: NAVETCO NATIONAL VETERINARY JOINT STOCK COMPANY.

- Tên giao dịch viết tắt: NAVETCO

Với vòng elip dạng quả cầu cách điệu vòng quanh chữ NAVETCO màu xanh. Logo có thêm sắc đỏ đường chân trời bên dưới chữ NAVETCO mang lại màu sắc tươi tắn và tràn đầy năng lượng, chữ Since 1955 là khẳng định vị thế Công ty Navetco với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất vaccine, lĩnh

vực quan trọng của Công ty. NAVETCO muốn gửi thông điệp đến khách hàng thông qua sứ mệnh “Animal Health”



*Animal Health*

2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký kinh doanh của Công ty:

Địa chỉ: Số 29A, Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 028.38225063 – 08.38225955

Fax: 028.38225060

Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

*\* Chi nhánh Công ty:*

***CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO  
CHI NHÁNH HÀ NỘI***

Địa chỉ: số 164 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.38691003

Fax: 024.36290393

***CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO  
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG***

Địa chỉ: số 28 VSIP đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

***CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO  
CHI NHÁNH MIỀN TÂY***

Địa chỉ: 23A Nguyễn Đệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện thuộc lĩnh vực kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 65.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.



2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

### **CHƯƠNG III**

#### **MỤC TIÊU, LĨNH VỰC KINH DOANH**

#### **VÀ PHẠM VI KINH DOANH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

###### **1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:**

Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận cho các cổ đông; tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động và thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

###### **2. Ngành nghề kinh doanh:**

###### **2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản.

- Dự trữ quốc gia về thuốc thú y, thú y thủy sản.

###### **2.2. Ngành nghề kinh doanh có liên quan, phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính:**

- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản.

- Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi.

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Thiết kế, sản xuất, kinh doanh bao bì.

###### **2.3. Ngành nghề kinh doanh khác:**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty trong phạm vi pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV**

### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty do tất cả cổ đông đóng góp dưới hình thức mua cổ phần và được ghi vào Điều lệ Công ty. Vốn điều lệ được đóng góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng hiện vật được định giá theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.

Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn Điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tỷ đồng Việt Nam), được chia thành 16.000.000 (mười sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 Việt Nam đồng/ cổ phần.

2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

3. Công ty không có cổ đông sáng lập.

4. Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác.

Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp tối thiểu hai mươi một (21) ngày làm việc, để cổ đông có thể đăng ký đặt mua. Mọi cổ phần nào không được đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Sổ đăng ký cổ đông:

Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Trung tâm lưu ký chứng khoán để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

## **Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Việc chuyển nhượng cổ phần đối với cổ phần của người lao động mua theo cam kết được áp dụng theo Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

2. Cổ phần của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị không được phép chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt thì các thành viên của Hội đồng quản trị bỏ phiếu đa số thống nhất việc chuyển nhượng này.

3. Cổ phiếu đã giao dịch trên sàn phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

7. Các vấn đề khác có liên quan đến chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 8. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị quyết định việc bán cổ phần theo Điều 126 Luật Doanh nghiệp và theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán (các khoản tiền có liên quan) và lãi phát sinh theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

1. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban Kiểm soát;

d) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

e) Các phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

Sơ đồ tổ chức Công ty (theo Phụ lục số 1 - Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này).

**2. Tổ chức hoạt động:**

a) Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được thực hiện tất cả các quyền hạn của mình mà không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng quản trị theo Điều lệ này;

b) Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ban kiểm soát: chịu trách nhiệm về việc giám sát tình hình hoạt động, quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

d) Tổng Giám đốc: do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, là người điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

## **CHƯƠNG VI**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 10. Cổ đông và quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông là pháp nhân.

Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Công ty là người đại diện trước pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện phần vốn có thể được ủy quyền cho một người khác làm đại diện cho pháp nhân đó tại Công ty. Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp này, Cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.

3. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

k) Có thể ủy quyền cho người khác (bằng Giấy ủy quyền) đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với những điều kiện sau:

- Chỉ được ủy quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông;
- Phải có Giấy ủy quyền.

l) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

n) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:**

a) Các quyền như cổ đông phổ thông quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Yêu cầu phải được lập bằng văn bản, kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:**

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## **Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông**

**1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:**

a) Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty;

b) Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

d) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

đ) Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

e) Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công;

g) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

h) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức nào, trừ trường hợp được Công ty mua lại hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

i) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

k) Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi sau:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của các tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra với Công ty;

l) Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;

m) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ Công ty;

2. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty, ngoài các nghĩa vụ nêu tại Khoản 1 Điều này và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, còn phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và



Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày trở thành cổ công lớn. Báo cáo về sở hữu cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức, Họ, tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

3. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn (07) bảy ngày kể từ ngày có sự thay đổi tên, cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi bổ sung cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

4. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

## **Điều 12. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền yêu cầu chào bán;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:**

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

2. Hồ sơ chi định người được ủy quyền dự họp phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải được ký bởi cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trường hợp tổ chức đó không có người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, văn bản ủy quyền phải được người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu và đồng thời phải được ký bởi người được ủy quyền tham dự;

d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam cho phép, văn bản ủy quyền dự họp có thể được ký bởi luật sư của cổ đông (bao gồm cả cá nhân và tổ chức) và đồng thời phải được ký bởi người được ủy quyền tham dự. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt người ủy quyền như quy định tại Khoản 2 mục c ở trên thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu cổ đông không thực hiện theo đúng quy định này thì việc ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

d) Điều khoản này không được áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các tình huống nêu trên trước giờ khai mạc Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 15. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18 và 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần mới quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm cổ phần cùng loại.

### **Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty Công bố thông tin việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a, Khoản 2 Điều này tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn

đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (05)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ này;
- c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ấn định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của



Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự,

ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

12. Trong Điều lệ này mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội tại địa điểm chính của Đại hội.

Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

14. Các trường hợp khác được quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

### **Điều 19. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán

thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- đ) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và quy định tại mục đ, mục g Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## **Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu sở hữu từ 50% trở lên thì có quyền đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.



## **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.

Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;

- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này hoặc, hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- Thành viên đó (i) bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;

- Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Thành viên đó khi vào thời điểm là đối thủ cạnh tranh hoặc người đại diện của đối thủ cạnh tranh của Công ty, không áp dụng điều khoản này đối với thành viên đại diện được ủy quyền của cổ đông chiến lược.

5. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ sung thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Và nhiệm kỳ của thành viên này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên của Hội đồng quản trị phải là cổ đông Công ty.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

a) Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

Thành viên của Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 Công ty khác kể từ ngày Điều lệ này được thông qua.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Hội đồng quản trị có thể căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên để phân công nhiệm vụ;

- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn của Công ty;

- Có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo Khoản 8 Điều này;

- Cố vấn, hiến kế, đôn đốc, kiểm tra theo lĩnh vực của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về chiến lược đầu tư trung, dài hạn, nhân sự Ban điều hành;

- Có quyền kiến nghị đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông áp dụng hình thức khiển trách, bãi nhiệm, cách chức các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành nếu các cá nhân đó có sai phạm trong công tác quản lý, điều hành công tác đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh gây thiệt hại về tài sản của Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước, sở giao dịch Chứng khoán và thực hiện việc công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật;

- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Bản Điều lệ này.

#### **8. Quyền cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.**

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị và cung cấp thông tin bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị để công ty làm ăn thua lỗ mất vốn hai năm liền thì phải giải trình các nguyên nhân khách quan, chủ quan trước Đại hội đồng cổ đông để Đại hội xem xét và quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của Hội đồng quản trị kể cả trách nhiệm về vật chất và xem xét có thể tiếp tục đảm nhiệm trách nhiệm của Hội đồng quản trị nữa hay không.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong hoạt động hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, bản Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

#### **Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật quy định;
- g) Kiến nghị lên Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
- h) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải thông qua Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp việc từ chức hoặc bãi miễn làm cho số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ này thì việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị phân nhiệm hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền theo Khoản 5 Điều này;

b) Tham mưu, cố vấn các vấn đề liên quan đến chiến lược đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị;

c) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thì Phó Chủ tịch sẽ là người thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị mà thành viên đó không phải là Phó Chủ tịch thì phải đồng thời thông báo việc này đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

## 6. Địa điểm họp

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

## 7. Thông báo họp

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

## 9. Số thành viên tham dự

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

## 10. Biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;
- e) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối



thiếu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

g) Theo quy định tại điểm e Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**11.** Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

**12.** Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **13. Biểu quyết đa số**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**14.** Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong vòng 15 ngày tính từ ngày kết thúc cuộc họp.

### **15. Biên bản họp**

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Các quy định khác được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

## **16. Những người được mời họp dự thỉnh**

Tổng Giám đốc, đại diện Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## **Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty ban hành một hệ thống tổ chức quản lý mà theo đó bộ máy quản lý phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, bốn (04) Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

a) Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo một nghị quyết, quyết định được thông qua một cách hợp thức;

b) Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền;

c) Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 32. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, tiền thù lao, quyền lợi và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những người điều hành khác (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

### **1. Bổ nhiệm:**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

### **3. Nhiệm kỳ:**

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

### **4. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng Giám đốc:**

a) Theo quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp;

b) Cán bộ quản lý cấp cao không được đồng thời làm Tổng Giám đốc tại doanh nghiệp khác. Những người liên quan đến cán bộ quản lý cấp cao không được làm giám đốc tại các doanh nghiệp liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty.

### **5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ:**

a) Quản lý, điều hành và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác trong giới hạn thẩm quyền phục vụ cho tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Đối với những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc chỉ được ký kết sau khi đã có nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê chuẩn;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm khi cần thiết và thực hiện các thông lệ quản lý tốt

nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý;

d) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh quản lý của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập, giải thể các phòng ban trong Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;

g) Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h) Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;

k) Chuẩn bị các bản dự toán ngân sách dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty; Quyết định khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với người lao động theo đúng Bộ Luật lao động và Luật Doanh nghiệp;

m) Được quyền ra các quyết định vượt thẩm quyền vì lợi ích của Công ty trong những trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác. Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về những quyết định này của mình;

n) Kiến nghị phương án trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh;

o) Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

p) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng

quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **6. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông:**

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

#### **7. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:**

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

#### **Điều 34. Phó Tổng Giám đốc**

1. Các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc trong các cổ đông hoặc là người được Hội đồng quản trị thuê, tuyển dụng theo hợp đồng. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ làm việc cùng với nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc.

#### **2. Phó Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:**

- a) Thực hiện một số công việc theo sự phân công quản lý của Tổng Giám đốc phù hợp với lĩnh vực mình phụ trách;
- b) Tham mưu, hiến kế, cố vấn và đề xuất cho Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị về chiến lược phát triển kinh doanh và đầu tư mở rộng Công ty tùy theo chuyên môn và lĩnh vực được phân công;
- c) Kiến nghị đến Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh có nguy cơ tiềm ẩn có thể gây thiệt hại cho Công ty trong chuyên môn và lĩnh vực mình đảm nhiệm;

d) Chịu trách nhiệm liên đới với Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị về các nghiệp vụ kinh tế, đầu tư phát sinh làm thiệt hại cho Công ty;

đ) Có quyền kiến nghị đến Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay đổi, tuyển dụng nhân sự, cách chức Người điều hành, Người quản lý các bộ phận, phòng ban các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

e) Tuân thủ các nghĩa vụ của Người quản lý theo Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 35. Kế toán trưởng**

1. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê, tuyển dụng.

2. Kế toán trưởng có có nhiệm vụ và quyền sau:

a) Thực hiện công việc của mình theo Luật kế toán. Tham mưu, cố vấn cho Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị về tổ chức bộ máy kế toán tài chính của Công ty. Kiến nghị thay đổi, tuyển dụng nhân sự của bộ phận tài chính kế toán lên Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Tham mưu cho Ban điều hành về chính sách tài chính, chế độ kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

c) Thực hiện báo cáo tài chính của Công ty cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị theo định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm. Lập đầy đủ và giữ đúng hạn các báo cáo kế toán và quyết toán của Công ty theo chế độ hiện hành;

d) Thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tài chính, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, các dự toán chi phí kinh doanh, phí lưu thông, các dự toán chi tiêu...;

đ) Phân công và chỉ đạo tất cả các kế toán viên của Công ty, có quyền yêu cầu các bộ phận trong Công ty chuyển đầy đủ kịp thời số liệu cần thiết cho công việc kế toán;

e) Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty;

g) Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính toán và trích đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, các quỹ để lại, xác định các khoản tiền vay, các khoản nợ phải thu, phải trả đúng hạn;

h) Phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ và đề xuất các biện pháp giải quyết, xử lý khi có các trường hợp thất thoát xảy ra;

i) Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán bí mật của Công ty;

k) Không được lập, ký duyệt các báo cáo, chứng từ, tài liệu khi không có ý kiến của Tổng giám đốc hoặc không phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước;

l) Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao;

m) Tuân thủ các nghĩa vụ của người quản lý theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật dành cho chức danh Kế toán trưởng.

### **Điều 36. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

b) Làm biên bản các cuộc họp;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

## **CHƯƠNG IX**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu.



### **Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, 171 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

6. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

7. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Điều lệ Công ty quy định.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

9. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến tổ chức quản lý của Công ty.

11. Có quyền tham gia, thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

14. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 41. Cuộc họp Ban kiểm soát**

1. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 42. Trách nhiệm của Ban kiểm soát**

Trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **CHƯƠNG X**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương trong hoàn cảnh tương tự. Nếu thực hiện công việc trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. Không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ

ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

##### **1. Trách nhiệm về thiệt hại:**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

##### **2. Bồi thường:**

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính hay điều tra (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác, nhân viên Công ty hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **Chương XI**

#### **QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY KHÁC**

**Điều 47. Vốn Công ty đầu tư ở Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh**

Vốn Công ty đầu tư ở Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh bao gồm:

1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác được Công ty đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp khác.
2. Giá trị cổ phần tại Công ty Nhà nước đã cổ phần hóa.
3. Vốn do Công ty vay để đầu tư.
4. Lợi tức và các khoản phải chia khác do Công ty đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác được sử dụng để tái cơ cấu tại doanh nghiệp này.
5. Giá trị cổ phiếu thưởng, cổ phiếu trả thay cổ tức của phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp này.
6. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 48. Quản lý phần vốn góp của Công ty góp vào doanh nghiệp khác là Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh.**

1. Hội đồng quản trị thông qua và quyết định phương án đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác do Tổng Giám đốc Công ty đề nghị.

2. Hội đồng quản trị cử đại diện ủy quyền của chủ sở hữu, người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu và quyền cổ đông tại doanh nghiệp khác; bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ đối với đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu và người đại diện quản lý vốn tại doanh nghiệp khác.

3. Giao nhiệm vụ, chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Công ty; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Công ty. Kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn nhằm phát hiện thiếu sót, yếu kém của người đại diện phần vốn để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

4. Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đã đầu tư và thu lợi nhuận từ phần vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

**Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh**

1. Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là cán bộ có năng lực, đã từng làm việc tại công ty hoặc các doanh nghiệp của Công ty, thực hiện theo

quy định của Pháp luật liên quan đến người đại diện theo ủy quyền và người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; có uy tín đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty;

c) Hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của các doanh nghiệp mà công ty có vốn đầu tư; có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài còn phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh;

đ) Không là người có liên quan của những người trong Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần ở Công ty cổ phần hóa.

2. Người đại diện được tham gia ứng cử vào bộ máy lãnh đạo (Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc) của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty con mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp đó.

**Điều 50. Quyền, nghĩa vụ và quyền lợi của người đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh**

1. Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu và quyền của cổ đông, thành viên góp vốn tại Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh; sử dụng quyền Chủ sở hữu, quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng Công ty con thực hiện theo chiến lược, mục tiêu của Công ty;

b) Được Công ty cử làm đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu hoặc cử làm người đại diện quản lý vốn và giới thiệu trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh theo quy định của điều lệ Công ty đó;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, phát hiện khả năng thua lỗ, mất vốn ở Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh;



d) Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty về hiệu quả sử dụng phần vốn góp;

đ) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; đầu tư dự án; chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn; cơ cấu tổ chức; quyết định chức danh quản lý điều hành;

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty về quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn góp của Công ty ở Công ty được giao làm đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp;

Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện theo ủy quyền hoặc quản lý phần vốn đầu tư của Công ty, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty thì người đại diện ủy quyền hoặc đại diện phần vốn bị miễn nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và các quy chế của Công ty.

g) Theo dõi, thu lợi tức đầu tư của Công ty. Người đại diện phải đôn đốc thu lợi nhuận, cổ tức được chia và định kỳ báo cáo các chỉ tiêu tài chính, các báo cáo khác theo yêu cầu của Công ty quy định tại quy chế quản lý vốn và người đại diện quản lý phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác;

h) Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty có nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý vốn và người đại diện ủy quyền hoặc người đại diện quản lý phần vốn vi phạm quy chế Công ty, vi phạm nội dung thỏa thuận làm tổn hại đến lợi ích của Công ty thì Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty có quyền xử lý kỷ luật; trường hợp vi phạm nghiêm trọng tới mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì đưa ra pháp luật xử lý theo quy định hiện hành;

i) Có các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**2. Quyền lợi của người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác.**

a) Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty hưởng chế độ thù lao, lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị đối với từng trường hợp cụ thể và thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty;

b) Việc đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn thực hiện theo quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác;

c) Hội đồng quản trị chấp thuận và giao Tổng Giám đốc ký hợp đồng ủy quyền theo Bộ Luật Dân Sự hoặc ký văn bản cam kết về nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm cụ thể với đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu hoặc người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác hàng năm.

3. Việc cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, chế độ đãi ngộ đối với đại diện ủy quyền của chủ sở hữu hoặc người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp thực hiện theo quy chế quản lý người đại diện phần vốn và các quy chế nội bộ của Công ty.

## **Chương XII**

### **QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 51. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ Công ty**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

#### **Điều 52. Chế độ lưu trữ tài liệu Công ty**

1. Công ty phải lưu trữ các tài liệu sau đây:

- Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp.

- Các giấy tờ liên quan đến đất đai, tài sản của công ty.

- Các biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua.

- Báo cáo để phát hành chứng khoán.

- Báo cáo của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu trữ những tài liệu quy định nói trên ở trụ sở chính hoặc nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. Thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Tổng Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty bao gồm toàn bộ hồ sơ như nêu ở Khoản 1 điều này trước và sau thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

## **Chương XIII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 53. Công nhân viên và Công đoàn**

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị - xã hội được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách được quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các quy định của pháp luật.

#### **Điều 54. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.**

Công ty có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội cựu chiến binh hoạt động theo hiến pháp và pháp luật.

Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đúng pháp luật, phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty, quyền lợi của người lao động, lợi ích của cổ đông.

## **Chương XIV**

### **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 55. Phân phối lợi nhuận**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Công ty sẽ không thanh toán lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán trực tiếp hoặc thông qua ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua, trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## Chương XV

### TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### **Điều 56. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện tất cả các khoản thanh toán và giao dịch tài chính thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 57. Trích lập Quỹ**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình:

- Tối thiểu mười (10)% để lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- Tối thiểu mười (10)% để lập Quỹ đầu tư phát triển;

Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

#### **Điều 58. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai cùng năm.

Cuối mỗi niên khóa, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- (i) Bảng cân đối kế toán của Công ty;
- (ii) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- (iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (iv) Thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Điều 59. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **Chương XVI**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 60. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với Công ty niêm yết, Công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 61. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 62. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **Chương XVII**

### **KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 63. Kiểm toán Công ty**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

Các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **Chương XVIII**

### **DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 64. Dấu của Doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XIX**

### **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 65. Giải thể Công ty.**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) đều phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 66. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đã phát hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể chiếu theo một, hay một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### **Điều 67. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);



d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm (a) đến (đ) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

## **Chương XX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Một cổ đông, hay các cổ đông với Công ty; hoặc

b) Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình hòa giải tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **Chương XXI**

### **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản

trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Những nội dung không được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam; theo các thông lệ thương mại quốc tế chung và theo các Quy chế nội bộ khác của Công ty.

#### **Điều 70. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 71 Điều và 01 Phụ lục được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương NAVETCO nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực đối với toàn văn của Bản Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

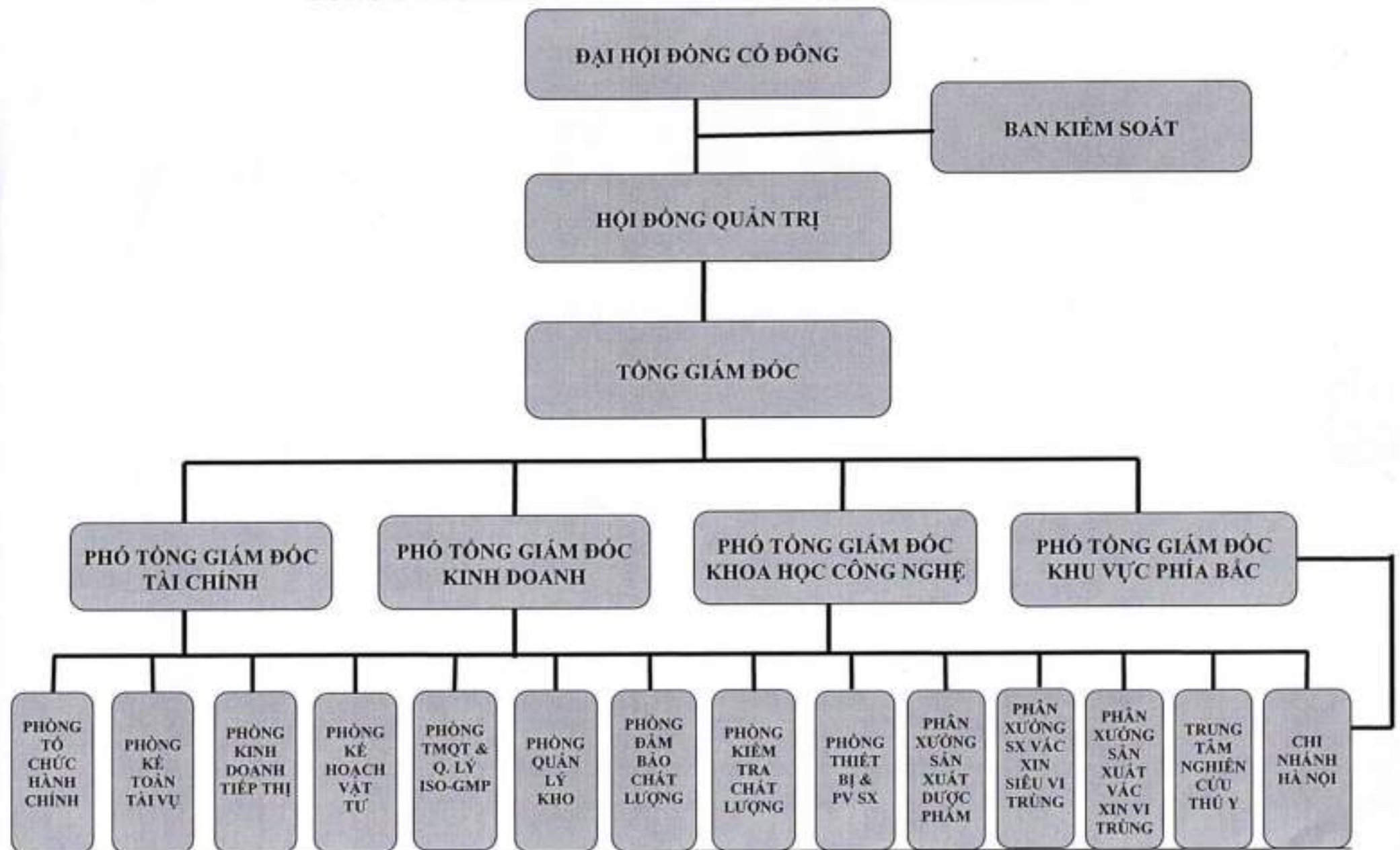
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 71. Họ, tên, Chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty.**

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO





Animal Health

® CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Địa chỉ: 29A Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3822 5063 Website: [www.navetco.com.vn](http://www.navetco.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300600417 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2020.

Số: 124 /TTr-NVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành toàn văn các quy chế, bao gồm :

- Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.



PHẠM QUANG THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

DỰ THẢO



*Animal Health*

**QUY CHẾ**  
**NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ**  
**PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG**  
**NAVETCO**

*THÁNG NĂM 2021*

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Phần mở đầu.....	5
<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>5</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty .....	5
Điều 3. Giải thích thuật ngữ.....	6
<b>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>7</b>
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	7
Điều 5. Hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 8. Đại diện theo ủy quyền.....	11
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 10. Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. ....	12
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 12. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. ....	15
Điều 16. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. ....	15
Điều 17. Các hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành .....	16
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>16</b>
<b>MỤC 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỆM NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ. ....</b>	<b>16</b>
Điều 18. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị .....	16
Điều 19. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị .....	16
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	17

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	17
Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị...	19
Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị .....	19
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	20
Điều 27. Thường trực Hội đồng quản trị .....	20
Điều 28. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	20
Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	21
Điều 30. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
<b>MỤC 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>21</b>
Điều 31. Số lượng cuộc họp và thông báo cuộc họp Hội đồng quản trị.....	22
Điều 32. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.....	22
Điều 33. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát .....	22
Điều 34. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	22
Điều 35. Cách thức biểu quyết.....	22
Điều 36. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị và thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.....	24
<b>MỤC 3. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>25</b>
Điều 38. Đảm bảo vật chất.....	25
Điều 39. Chỉ định Thư ký Công ty.....	25
<b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>25</b>
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	25
Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu của thành viên Ban kiểm soát .....	27
Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát .....	27
Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	27
Điều 44. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát .....	28
Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát.....	28
Điều 46. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	28
Điều 47. Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	28

<b>CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH .....</b>	<b>29</b>
Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành Công ty .....	29
Điều 49. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với người điều hành Công ty .....	30
Điều 50. Các trường hợp xem xét miễn nhiệm người điều hành Công ty .....	30
Điều 51. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc .....	31
Điều 52. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc .....	31
Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc .....	32
Điều 54. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc .....	32
<b>CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC .....</b>	<b>32</b>
Điều 55. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc .....	33
Điều 56. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc .....	39
Điều 57. Tiêu chuẩn đánh giá và cách thức thực hiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác .....	34
Điều 58. Hình thức khen thưởng và kỷ luật .....	35
Điều 59. Tổ chức bộ máy đánh giá khen thưởng, kỷ luật .....	35
Điều 60. Phân cấp đánh giá, khen thưởng và kỷ luật .....	35
<b>CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>36</b>
Điều 61. Công bố thông tin về quản trị Công ty .....	36
Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Quy chế .....	36
Điều 63. Hiệu lực thi hành .....	36



## PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco;

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 tổ chức vào ngày 28/4/2021.

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty đối với Công ty Navetco và áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

### **Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan.
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "*Công ty*" là Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco;
- b) "*Quản trị công ty*" là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách công khai, minh bạch và hiệu quả. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông Công ty và những người liên quan đến Công ty;
- c) "*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- d) "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 22, Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- đ) "*Cán bộ quản lý cấp cao*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức vụ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ký kết giao dịch của Công ty theo Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm (nếu có);
- e) "*Người điều hành*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
- g) "*Cán bộ quản lý*" là các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- h) "*Điều lệ*" là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- i) "*Cổ đông*" là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- k) "*Đại hội đồng Cổ đông*" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm văn bản có hiệu lực.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung các điều khoản trong Quy chế.

## CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được thực hiện tất cả các quyền hạn của mình mà không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng quản trị theo Quy chế này.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- s) Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

**4. Giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:**

- a) Chấp thuận các khoản vay hoặc bảo lãnh cho người quản lý Công ty không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất trong các đối tượng sau:

- Người quản lý cấp cao Công ty và người có liên quan của đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 5. Hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ tình hình thực tế và quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động; Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng một trong các hình thức:

1. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.
4. Hội nghị trực tuyến.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp).
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.
8. Điều kiện tiến hành.
9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Cách thức bỏ phiếu.

11. Cách thức kiểm phiếu.
12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu.
14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Điều lệ Công ty.

#### **2. Danh sách cổ đông**

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp theo yêu cầu của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số, số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, ngày giao dịch mà người mua không được hưởng quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

#### **3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.**

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời

hợp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của từng ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân/ hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ Công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

### **Điều 8. Đại diện theo ủy quyền.**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Người được cổ đông ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được quyết định vượt quá phạm vi được ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

### **Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đăng ký tham dự cuộc họp chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu chỉ định của Công ty theo Điều 8 Quy chế này.

2. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Đến đăng ký trực tiếp tại Công ty;

b) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự theo đường bưu điện;

c) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự qua fax, qua thư điện tử;

d) Đăng ký tham dự qua điện thoại cho người hoặc bộ phận được Công ty chỉ định theo thông báo mời họp.

### **Điều 10. Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Người đến dự họp đăng ký nhận tài liệu, phiếu biểu quyết;

b) Ban tổ chức kiểm tra tư cách người đến dự họp;

c) Ban tổ chức báo cáo kết quả kiểm tra tư cách người đến dự họp và các điều kiện để tiến hành cuộc họp, tuyên bố cuộc họp đủ hoặc không đủ điều kiện để tiến hành;

d) Ban tổ chức biểu quyết thông qua: Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu và Trưởng Ban kiểm phiếu;

đ) Chủ tọa đoàn cử Ban thư ký;

e) Người triệu tập cuộc họp khai mạc và công bố chương trình, nội dung cuộc họp;

g) Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình và nội dung, xác định rõ chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong chương trình;



- h) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trình bày báo cáo;
- i) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả biểu quyết của các vấn đề được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- k) Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- l) Bế mạc.

## 2. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

b) Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

### 3. Quy định cụ thể về kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu phải tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.

b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo tỷ lệ phiếu quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp, tỷ lệ cụ thể theo quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 12 Quy chế này.

c) Kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 12. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

### **1. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Điều kiện để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần chào bán, thay đổi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu quản lý doanh nghiệp, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c Khoản 2 Điều này.

c) Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

d) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Các nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, ngoại trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty. Các nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

2. Biên bản phải tuân thủ nội dung và thể thức quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm được thông qua.

#### **Điều 15. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông có quyền phân đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phân đối vào biên bản cuộc họp.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản trong kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 16. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

**Điều 17. Các hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.**

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **MỤC 1**

#### **ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.**

**Điều 18. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

c) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.

Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên của Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 Công ty khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d) Các điều kiện khác do pháp luật quy định.

**Điều 19. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên

Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và theo Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; các thông tin công bố thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

### **Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc theo Điều lệ Công ty.

### **Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;

b) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này hoặc, hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

d) Thành viên đó (i) bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, (ii) có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;

e) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

f) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

## 2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng được quy định tại Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty

### **Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu sở hữu từ 50% trở lên thì có quyền đề cử đủ số ứng viên.

2. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

### **Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Điều 24. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra còn phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời và đầy đủ các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;

d) Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động Công ty.

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

5. Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

#### **Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 27. Thường trực Hội đồng quản trị**

1. Để kịp thời xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị cử ra Thường trực Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị gồm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Thường trực Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị ủy quyền quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc bằng văn bản trong từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 28. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.



4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
7. Các kế hoạch trong tương lai.

#### **Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

##### **1. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

##### **2. Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

##### **3. Bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có Quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 30. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Thù lao và lợi ích khác của thành viên hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 26 Điều lệ Công ty.

## **MỤC 2**

### **TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 31. Số lượng cuộc họp và thông báo họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải họp mỗi quý 1 lần và có thể họp bất thường.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

### **Điều 32. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

### **Điều 33. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 34. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

### **Điều 35. Cách thức biểu quyết**

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều 28 Điều lệ Công ty;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại Khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 7 Điều 45 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 36. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

4. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

a) Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định về một hoặc một số vấn đề được thực hiện trong thời gian giữa 2 phiên họp của Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến hoặc không lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên Hội đồng quản trị, việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát

hành phiếu biểu quyết và được quản lý, lưu giữ như biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Kết quả lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị được Thư ký Hội đồng quản trị tổng hợp thành biên bản và nghị quyết;

d) Quyết định được thông qua Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản có giá trị như quyết định được các thành viên của Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:

- Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với từng vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

### **Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị và thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị là cơ sở để ban hành nghị quyết của Hội đồng quản trị.

### MỤC 3

#### ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### Điều 38. Đảm bảo vật chất

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.

2. Phòng Tổ chức Hành chính Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

##### Điều 39. Chỉ định Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### CHƯƠNG IV

#### BAN KIỂM SOÁT

##### Điều 40. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát

###### 1. Quyền của Ban kiểm soát.

a) Tham gia, thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

b) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin đầy đủ kịp thời theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

c) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết;

d) Yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty;

e) Quyền được cung cấp thông tin của ban kiểm soát được quy định tại Điều 171 Luật doanh nghiệp.

g) Các quyền khác theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## 2. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; thực trạng tài chính của Công ty;

b) Giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

c) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

d) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

h) Thực hiện nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## 3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát.

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu của thành viên Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Tiêu chuẩn:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không được giữ chức vụ điều hành Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty quy định.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định đối với ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử

thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 44. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Thực hiện tương tự cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.

#### **Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát.**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 46. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên ban kiểm soát**

Thực hiện tương tự cách thức thông báo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

#### **Điều 47. Tiền lương, thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh



nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **CHƯƠNG V**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành Công ty**

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 64 và Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b) Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c) Trình độ, kinh nghiệm:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

a) Kế toán trưởng Công ty có tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

b) Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.

c) Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

## **Điều 49. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với người điều hành Công ty**

1. Thẩm quyền bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành Công ty.

2. Trình tự bổ nhiệm:

a) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty, căn cứ theo tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc quy định tại Điều 64 và Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp. Căn cứ đề xuất của thành viên Hội đồng quản trị đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thông qua đề xuất bằng nghị quyết và thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động bằng quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Căn cứ đề xuất bằng văn bản của Tổng Giám đốc đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác, Hội đồng quản trị thông qua đề xuất bằng nghị quyết và thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động bằng quyết định;

c) Hội đồng quản trị xem xét các đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian hợp lý. Việc xem xét có thể căn cứ thêm từ các thông tin khác hoặc từ việc tổ chức trao đổi, lấy ý kiến. Nếu đề xuất được thông qua, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động phải được thực hiện ngay trong thời gian sớm nhất có thể. Nếu đề xuất không được thông qua, Hội đồng quản trị phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và các vấn đề liên quan.

d) Người điều hành Công ty bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng nếu không hoàn thành trách nhiệm của mình như yêu cầu hay theo quy định trong hợp đồng lao động.

3. Thông tin việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, những người điều hành còn lại và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tiền lương của những người điều hành Công ty do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, phù hợp với quỹ lương hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt.

## **Điều 50. Các trường hợp xem xét miễn nhiệm người điều hành**

1. Đối với Tổng Giám đốc:

a) Đề doanh nghiệp thua lỗ 02 năm liên tiếp;

b) Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư lợi cá nhân, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

d) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với những người điều hành khác: Do Tổng Giám đốc Công ty đề nghị.

### **Điều 51. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 5 Điều 33 Điều lệ Công ty.

### **Điều 52. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự theo Điều 64 và Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b) Cán bộ quản lý cấp cao không được đồng thời làm Tổng Giám đốc tại doanh nghiệp khác. Những người liên quan đến cán bộ quản lý cấp cao không được làm giám đốc tại các doanh nghiệp liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

c) Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

d) Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

- Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

### **Điều 54. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

1. Công ty trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Mức tiền lương, thù lao, quyền lợi và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

### **Điều 55. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất

ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

#### **Điều 56. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty/đơn vị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

7. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

8. Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp để xin ý kiến, nếu:

a) Việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị gặp khó khăn hoặc không thực hiện được.

b) Quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

**Điều 57. Tiêu chuẩn đánh giá và cách thức thực hiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác**

1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao đúng theo quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty:

a) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành đối với lĩnh vực được phân công phụ trách, thực hiện tốt và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, kế hoạch được giao;

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;

c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức, lối sống;

d) Không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên

3. Tiêu chuẩn đánh giá

a) Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

b) Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

c) Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm) trên cơ sở căn cứ vào các quy định của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng ban/đơn vị/toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức sau:

f) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

g) Hoàn thành nhiệm vụ

h) Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

## **Điều 58. Hình thức khen thưởng và kỷ luật**

### **1. Khen thưởng**

a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Khoản 3 Điều 57 Quy chế này.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền.
- Bằng cổ phiếu hoặc hình thức khác (nếu có).
- Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.
- Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

### **2. Xử lý vi phạm kỷ luật**

a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Điều 59. Tổ chức bộ máy đánh giá khen thưởng, kỷ luật**

1. Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng gồm đại diện Công đoàn và Giám đốc các phòng chuyên môn có liên quan.

2. Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.

## **Điều 60. Phân cấp đánh giá, khen thưởng và kỷ luật**

1. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định khen thưởng kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Hình thức khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban Kiểm soát áp dụng theo các chế độ khen thưởng và kỷ luật của Công ty.

2. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật Công ty quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các cấp còn lại.

3. Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy trình xử lý kỷ luật của Công ty do Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành.

## **CHƯƠNG VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 61. Công bố thông tin về quản trị Công ty.**

1. Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm công bố thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

#### **Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.**

1. Trong quá trình thực hiện quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động của sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập tới trong Quy chế này hoặc có những quy định của pháp luật được sửa đổi bổ sung khác với những quy định của Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh trong hoạt động của Công ty.

#### **Điều 63. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 7 Chương 63 Điều, và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này, Ban Kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**DỰ THẢO**



**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG**  
**ƯƠNG NAVETCO**

*THÁNG NĂM 2021*

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Phần mở đầu .....	4
<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>4</b>
<i>Điều 1.</i> Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	4
<i>Điều 2.</i> Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty .....	4
<i>Điều 3.</i> Giải thích thuật ngữ .....	5
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>5</b>
<i>Điều 4.</i> Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	5
<i>Điều 5.</i> Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	6
<i>Điều 6.</i> Nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng quản trị .....	6
<i>Điều 7.</i> Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	6
<i>Điều 8.</i> Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	7
<i>Điều 9.</i> Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	8
<i>Điều 10.</i> Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	8
<i>Điều 11.</i> Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	8
<i>Điều 12.</i> Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	9
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>10</b>
<i>Điều 13.</i> Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	10
<i>Điều 14.</i> Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	12
<i>Điều 15.</i> Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	13
<i>Điều 16.</i> Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị .....	14
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>15</b>
<i>Điều 17.</i> Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	15
<i>Điều 18.</i> Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	17

<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>18</b>
<i>Điều 19.</i> Trình báo cáo hằng năm.....	18
<i>Điều 20.</i> Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ....	19
<i>Điều 21.</i> Công khai các lợi ích liên quan .....	19
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>20</b>
<i>Điều 22.</i> Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị. ....	20
<i>Điều 23.</i> Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc ...	20
<i>Điều 24.</i> Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	21
<i>Điều 25.</i> Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty.....	22
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>22</b>
<i>Điều 25.</i> Sửa đổi, bổ sung quy chế .....	22
<i>Điều 26.</i> Hiệu lực thi hành.....	22

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương Navetco;

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 tổ chức vào ngày 28/4/2021.

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị,

##### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

1. Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Công ty*" là Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco;

b) "*Hội đồng quản trị*" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ Phần Thuốc Thú y Trung ương Navetco;

c) "*Người điều hành*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

d) "*Điều lệ*" là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm văn bản có hiệu lực.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nghiên cứu, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;

c) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu;

d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các tổ chức khác (nếu có);

e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành

viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

f) Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật về Chứng khoán;

g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

#### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

#### **Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên của Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng

quản trị của quá 05 Công ty khác theo Điều lệ Công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật quy định;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## **Điều 9. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi có ủy quyền hoặc khi Chủ tịch vắng mặt.

2. Thực hiện nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị theo sự phân công của Hội đồng quản trị và quy định tại Điều 4 Quy chế này.

## **Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

b) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;

c) Trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

## **Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông



trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu sở hữu từ 50% trở lên thì có quyền đề cử đủ số ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

## **Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ

một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát của Hội đồng quản trị với người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

#### **Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## **Điều 16. Điều kiện làm việc Hội đồng quản trị.**

### **1. Đảm bảo vật chất.**

a) Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.

b) Phòng Tổ chức Hành chính Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị.

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **2. Chỉ định thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

### **3. Nghĩa vụ và quyền hạn của Thư ký**

a) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát;

b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp, ghi chép các biên bản họp;

c) Tham dự các cuộc họp;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty, đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; cung cấp bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **4. Nhiệm vụ của Thư ký Công ty**

a) Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị, lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b) Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị, chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của hội đồng quản trị;

c) Soạn thảo các văn bản, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Tổng hợp trình Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu được gửi cho Hội đồng quản trị;

đ) Bảo quản lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e) Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;

g) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

h) Được trực tiếp làm việc với các bộ phận, nhân viên của Công ty và các đơn vị trực thuộc để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về công việc được giao;

i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát giao và theo Điều lệ Công ty quy định

#### **Chương IV**

### **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữ các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;



b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng các phương tiện liên lạc thông tin khác kết hợp với các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là đại điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 19. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

5. Công khai các lợi ích liên quan khác được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

## Chương VI

### MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 23. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc.**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm

tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc là người tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện hoặc phát sinh những vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh, bổ sung, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền bảo lưu ý kiến.

3. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các vấn đề thuộc quyền quyết định, phê duyệt của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp khác do Tổng Giám đốc chủ trì, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận tại cuộc họp.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

#### **Điều 24. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý và điều hành Công ty.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị không gây cản trở hoạt động của Ban kiểm soát và việc kiểm tra của Ban kiểm soát không gây gián đoạn việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát khi ban hành các quy chế, quy định và các quyết định quan trọng. Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề do Ban kiểm soát kiến nghị, trao đổi với Ban kiểm soát để thống nhất các nội dung sẽ đưa ra Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu có người hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 25. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty**

1. Hội đồng quản trị tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức Đảng, đoàn thể được thành lập và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Điều lệ Công ty.

2. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể không gây cản trở và ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Công ty.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Sửa đổi, bổ sung quy chế**

Trong quá trình thực hiện quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế của hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco gồm 07 chương, 27 Điều, có hiệu lực từ ngày được hội đồng quản trị ký ban hành.

2. Những nội dung khác về chế độ làm việc, thù lao của Hội đồng quản trị, nếu chưa đề cập trong quy chế, sẽ thực hiện theo các quy định có liên quan của Nhà nước, theo Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**DỰ THẢO**



**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG**  
**ƯƠNG NAVETCO**

*THÁNG      NĂM 2021*

**DỰ THẢO**  
**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương NAVETCO;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày 28 tháng 04 năm 2021;*

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương NAVETCO.*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương NAVETCO bao gồm các nội dung sau:*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.



### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "*Công ty*" là Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco;
- b) "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 22, Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- đ) "*Người điều hành*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
- e) "*Người quản lý*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức vụ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ký kết giao dịch của Công ty theo Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm (nếu có)
- g) "*Điều lệ*" là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- h) "*Cổ đông*" là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- i) "*Đại hội đồng Cổ đông*" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm văn bản có hiệu lực.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung các điều khoản trong Quy chế.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

**Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

- 1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu

trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

## **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

## **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ

công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty

của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

### **Chương V**

## **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.



### **Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về

các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương NAVETCO bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



Animal Health



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG  
NAVETCO  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



370428



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: VET.000xxx**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**  
Số lượng cổ phần sở hữu: **9.000** cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần  
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **9.000** cổ phần

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua phê duyệt mức tạm trích thu lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:  
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

MẪU



# THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **VET.000xxx**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **9.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: **9.000** cổ phần

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO



## NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/04/2021

### QUYẾT NGHỊ

Ngày 28/4/2021, tại Diamond Place Convention Centre - 15A Hồ Văn Huê, Phường 9, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO được tổ chức với sự tham gia của ..... cổ đông sở hữu ..... cổ phần chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

#### **Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

#### **Nội dung 2: Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

#### **Nội dung 3: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 5: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm 2021**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 8: Thông qua phê duyệt mức tạm trích thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 9: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 10: Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

Phản biểu quyết:

- Tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến :..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- HĐQT.
- Ban Tổng Giám Đốc

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Quang Thái**

